

Bản án số: 224/2024/HS-ST
Ngày 17-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Như Hùng

- Ông Đào Đức Phú

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thanh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 226/2024/TLST – HS ngày 20 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST – HS ngày 28 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

N H T, sinh năm 1977 tại khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Nơi cư trú: Khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Nh; Có vợ: Vũ Thị L và 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: + Tại bản án số: 02/2006/HS-PT ngày 23/01/2007 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

+ Tại bản án số 22/2007/HS-ST ngày 26/11/2007 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999;

+ Tại bản án số: 95/2009/HS-ST ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999;

+ Tại bản án số: 181/2012/HS-ST ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 08 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/4/2024.

Có mặt

* **Bị hại:** Anh N V N, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Khu Quỳnh Đôi, phường Kim Chân, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Vắng mặt

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh V N T, sinh năm 1986 và vợ là chị N T T, sinh năm 1992

Cư trú tại: 151 Lê Hồng Phong, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17 tháng 3 năm 2024, N H T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS: 99G1-172.04 đi từ nhà ở khu Phương Vỹ, phường Vũ Ninh, thành phố Bắc Ninh quanh khu vực thành phố Bắc Ninh xem có nhà ai sơ sở thì vào trộm cắp tài sản. Khi đi đến số nhà 36, đường Phạm Văn Chất, phường Suối Hoa do anh N V N là chủ thầu thi công, Tuyến dừng xe quan sát thấy ngôi nhà đang phá dỡ, xung quanh không có ai trông coi. Tuyến dừng xe ở lòng

đường và đi bộ vào trong ngôi nhà, đi lên cầu thang tầng 3 phát hiện thấy có một số dụng cụ xây dựng ở trên nền nhà. Tuyến liền bê 01 máy đục và 01 máy cắt xuống để ở gác ba ga của xe mô tô rồi quay lại tiếp tục lấy 01 máy đục còn lại xuống để ở yên xe. Tuyến chở số tài sản vừa trộm cắp về nhà ở tại khu Phương Vỹ, cất giấu tại gầm cầu thang. Sau đó Tuyến tiếp tục quay lại lấy 01 bộ giàn giáo, 04 thanh giằng và 02 đoạn dây điện có gắn ổ cắm điện mang ra xe mô tô chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của vợ chồng anh V N T, chị N T T ở số nhà 151 Lê Hồng Phong, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh bán được 310 nghìn đồng. Số tiền này Tuyến đã tiêu sài cá nhân hết. Ngày 09/4/2024, anh Nhường có đơn trình báo bị trộm cắp tài sản vào ngày 17/3/2024 đến Công an thành phố Bắc Ninh. Ngày 11/4/2024, Tuyến đã bị Công an thành phố Bắc Ninh triệu tập lên làm việc. Tại cơ quan Công an, Tuyến đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu giữ của Tuyến 01 máy cắt và 02 máy đục; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, BKS 99G1-172.04. Anh Thành, chị Thanh tự nguyện giao nộp 01 bộ giàn giáo bằng kim loại; 04 thanh giằng; 02 đoạn dây điện.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 112/KL-HĐĐGTS ngày 12/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã kết luận:

“ – 01 máy cắt cầm tay màu đỏ nhãn hiệu ETOP SL 9523 đã qua sử dụng có giá trị là 300.000 đồng;

- 01 máy đục màu ghi xanh nhãn hiệu HCC 2800W đã qua sử dụng có giá trị là 1.400.000 đồng;

- 01 máy đục màu ghi vàng nhãn hiệu ACC đã qua sử dụng có giá trị là 1.600.000 đồng;

- 01 bộ giàn giáo bằng kim loại cao 1,6m; rộng 1,27m; 04 thanh giằng dài 2m đã qua sử dụng có giá trị là 250.000 đồng

- 01 đoạn dây điện dài 36,6m màu vàng loại 2cx1,5 nhãn hiệu Trần Phú, 01 đầu có giắc cắm màu trắng quán bằng dích màu đen, 01 đầu gắn ổ cắm điện màu trắng đã qua sử dụng có giá trị là 265.000 đồng;

- 01 đoạn dây điện dài 30m màu vàng loại 2x2,5 nhãn hiệu Pongsung Korea, 01 đầu có giắc cắm màu cam, 01 đầu có ổ cắm 6000W nhãn hiệu made in Vietnam đã qua sử dụng có giá trị là 275.000 đồng.

Tổng giá trị của tài sản là 4.090.000 đồng ”.

Tại bản cáo trạng số: 156/CT– VKSTPBN ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh đã truy tố N H T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa N H T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và thừa nhận ngày 17/3/2024 bị cáo một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Nhường, không có đồng phạm khác.

Bị hại là anh N V N vắng mặt tại phiên tòa. Tại các lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, anh Nhường trình bày: Anh đã nhận lại toàn bộ tài sản do Tuyên trộm cắp, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự: Anh đề nghị HĐXX xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh V N T và chị N T T trình bày: Ngày 17/3/2024, khi Tuyên đến bán tài sản do Tuyên vừa trộm cắp, anh chị tin tưởng Tuyên và thấy bộ giàn giáo cùng thanh sắt đã cũ, bị cong vênh, dây điện đã cũ nên anh chị đã đồng ý mua với giá 310 nghìn đồng. Sau khi biết hành vi trộm cắp tài sản của Tuyên bị phát hiện, anh chị đã giao lại toàn bộ tài sản cho cơ quan Công an. Anh chị yêu cầu Tuyên phải trả cho anh chị số tiền 310 nghìn đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: N H T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt N H T từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2024.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Tuyên phải hoàn trả anh V N T và chị N T T số tiền 310.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước chiếc xe mô tô thu giữ của Tuyền.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST, DSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì.

Kiểm sát viên không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Xét thấy, anh Nhường, anh Thành, chị Thanh đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, truy tố; tài sản do bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và những người liên quan trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp vật chứng đã thu giữ,

cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 17/3/2024, tại số nhà 36 Phạm Văn Chất, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, N H T đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 máy cắt, 02 máy đục, 01 bộ giàn giáo, 04 thanh giằng và 02 đoạn dây điện trị giá 4.090.000 đồng của anh N V N. Đến ngày 11/4/2024, Tuyến bị Công an thành phố Bắc Ninh triệu tập, tạm giữ về hành vi trộm cắp tài sản. Do đó đã đủ cơ sở xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh truy tố N H T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân; gây mất trật tự trị an, gây hoang mang, lo ngại trong quần chúng nhân dân. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, bị cáo biết rõ hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã lợi dụng sơ hở của người dân để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

[4] *Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:*

- *Về nhân thân:* Bị cáo có nhân thân xấu đã từng hai lần bị Tòa án xét xử cùng về tội trộm cắp tài sản, hai lần bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo nghiện ma túy, không có công ăn việc làm, thường xuyên đi lang thang, không chịu tu chí làm ăn.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ:* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự;

- *Về quyết định hình phạt:* Bị cáo là người có nhân thân xấu, bị cáo nghiện ma túy, không có công ăn việc làm nên cần xử nghiêm đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới giúp bị cáo có thời gian cai nghiện ma túy và sửa chữa lỗi lầm. Tuy nhiên khi lượng hình HĐXX cũng cần xem xét bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng đủ sức giáo dục, răn đe đối với bị cáo,

đồng thời cũng thể hiện được tính nghiêm minh của pháp luật, và vẫn có tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy tài sản do bị cáo trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, bị cáo không có công ăn việc làm và thu nhập nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu bị cáo phải trả số tiền đã bỏ ra mua tài sản do bị cáo trộm cắp nên cần buộc Tuyên phải có trách nhiệm trả cho anh Thành, chị Thanh 310 nghìn đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Toàn bộ tài sản do bị cáo trộm cắp đã được Công an thành phố Bắc Ninh trả lại cho chủ sở hữu là anh N V N là phù hợp;

Đối với chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo. Qua xác minh xác định chiếc xe là tài sản hợp pháp của bị cáo, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tuyên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với anh V N T và chị N T T là người đã mua tài sản do bị cáo trộm cắp. Do anh Thành, chị Thanh không biết tài sản trên do bị cáo trộm cắp nên không có căn cứ xử lý đối với anh Thành, chị Thanh về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí HSST, DSST theo quy định của pháp luật. Bị cáo, người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo N H T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt **N H T 12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2024.

- **Căn cứ:** Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự buộc N H T có trách nhiệm trả anh V N T và chị N T T số tiền 310.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, BKS: 99G1-172.04, số khung RLHHC12166596, số máy: HC12E-5066611, xe không gương, đã cũ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

- **Về án phí:** Căn cứ: Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ: Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:
Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Công an thành phố Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- THA thành phố Bắc Ninh (khi án có hiệu lực);
- TAND tỉnh Bắc Ninh (Phòng GĐKT);
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoan

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 17 tháng 7 năm 2024

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hoan
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Ông Nguyễn Như Hùng
- Ông Đào Đức Phú

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 226/2024/HSST ngày 20 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

N H T, sinh năm 1977 tại khu 4, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Tuyên bố: Bị cáo N H T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- **Căn cứ:** Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt **N H T 12 (Mười hai)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2024.

- **Căn cứ:** Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự buộc N H T có trách nhiệm trả anh V N T và chị N T T số tiền 310.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ: Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: *Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước:* 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen bạc, BKS: 99G1-172.04, số khung RLHHC12166596, số máy: HC12E-5066611, xe không gương, đã cũ.

Toàn bộ vật chứng nêu trên được mô tả theo đúng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Ninh.

- **Về án phí:** Căn cứ: Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST và 300.000 đồng án phí DSST.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- **Về quyền kháng cáo:** Căn cứ: Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:
Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Hùng

Nguyễn Thị Châm

Trần Thị Hoan